

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **307/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/8/2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

- Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đào Thanh T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số 306/1, KP 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Phan Thị Ái N, sinh năm 1989. Đăng ký thường trú: Số 306/1, KP 1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: Số 136/5 ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đào Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/7/2020 nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và trong quá trình tố tụng anh T trình bày:

Anh T và chị Phan Thị Ái N cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/5/2012, trong thời gian sống chung có 01 con chung tên Đào Trường G, sinh ngày 24/3/2012 hiện nay đang sống chung với anh T. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và đã sống ly thân từ tháng 02/2014 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay anh T yêu cầu về hôn nhân được ly hôn với chị Phan Thị Ái N. Về con chung, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Đào Trường G, sinh ngày 24/3/2012 không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung, anh T

trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị Ái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng nhưng đối với bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình, tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đào Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Ái N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về con chung: anh T được trực tiếp nuôi dưỡng Đào Trường G, sinh ngày 24/3/2012, chị N không cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu. Về tài sản chung, về nợ chung: không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Đào Thanh T yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Ái N, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đào Thanh T có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Phan Thị Ái N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[3] Anh Đào Thanh T và chị Phan Thị Ái N cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N thì được biết tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định anh T và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở phù

hợp tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho anh Đào Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Ái N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Xét về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Đào Trường G, sinh ngày 24/3/2012 (theo nguyện vọng của con chung) và chị N cũng không có ý kiến gì về yêu cầu này. Xét thấy từ khi anh T và chị N không còn sống chung thì cháu Trường G do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử Quyết định giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: anh T trình bày không có không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Anh Đào Thanh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Thanh T. Cho anh Đào Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Ái N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về con chung: anh T được trực tiếp nuôi dưỡng Đào Trường G, sinh ngày 24/3/2012, chị N không cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0011586 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú. Như vậy án phí anh T đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết